TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bảy
2. Ông Bùi Văn Mưa Lớn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc*: "Ly hôn*, *tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thụy Trúc N**, sinh năm 2002; địa chỉ: ấp T, xã P, Vĩnh Long. Có mặt

- Bị đơn: **Ông Lê Văn Chí L**, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp T, xã P, Vĩnh Long. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2025, văn bản trình bày ý kiến ngày 13/10/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Trúc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 30 tháng 11 năm 2020, bà N và ông L có tiến đến hôn nhân. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian. Đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân là do ông bà không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Nay bà N yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long giải quyết cho bà N được ly hôn với ông L. Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: bà N và ông L có hai người con tên Lê Hoàng L1 sinh ngày 09/4/2020 và Lê Hoàng K sinh ngày 21/10/2022, khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Lê Văn Chí L đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy mời của Toà án và đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông L vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên không có phần trình bày của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông L. Bà N được ly hôn với ông L.

Về con chung: bà N được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Lê Hoàng L1 sinh ngày 09/4/2020 và Lê Hoàng K sinh ngày 21/10/2022. Buộc ông L giao hai con cho bà N nuôi dưỡng; ghi nhận bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: bà N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: bà N trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Lê Văn Chí L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà N và ông L tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2020. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà N cho rằng sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà N xác định đã không còn tình cảm với ông L nên xin được ly hôn với ông L. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...". Đối chiếu với quy định trên thì giữa bà N và ông L đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Đối với ông L, từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho ông L nhưng ông L vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua đó cũng thể hiện việc ông L không mong muốn được hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: bà N và ông L có hai người con tên Lê Hoàng L1 sinh ngày 09/4/2020 và Lê Hoàng K sinh ngày 21/10/2022 hiện đang sống cùng ông L, khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông L vắng mặt nên không có ý kiến về con chung tên Lê Hoàng L1 và Lê Hoàng K. Trong khi hai người con chung hiện nay còn nhỏ. Điều này cũng phù hợp biên bản xác minh của Tòa án ngày 08/12/2025 tại địa phương thể hiện ông L hiện nay đi làm xa, lâu lâu mới về nhà. Do đó, để đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh thần của con chung cần giao hai người con chung tên Lê Hoàng L1 và Lê Hoàng K cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi hai người con chung.

[4] Về tài sản chung: tại phiên tòa bà N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: bà N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thụy Trúc N đối với ông Lê Văn Chí L. Bà N được ly hôn với ông L. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: bà N và ông L có hai người con tên Lê Hoàng L1 sinh ngày 09/4/2020 và Lê Hoàng K sinh ngày 21/10/2022 hiện đang sống cùng ông L. Khi ly hôn, bà N được quyền trực tiếp nuôi hai người con chung tên Lê Hoàng L1 và Lê Hoàng K. Buộc ông L giao hai người con tên Lê Hoàng L1 và Lê Hoàng K cho bà N nuôi dưỡng; ghi nhận bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi hai người con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: bà N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004697 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Bà N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6 – Vĩnh Long;
- THADS Vĩnh Long;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Nga